TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2022
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hiệp.

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1995, địa chỉ: Ấp MC, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Thân Phúc T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số a, đường NQ, tổ b, khu phố c, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà Trần Thị L và ông Thân Phúc T tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 29/3/2021. Tuy nhiên vợ chồng chỉ sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết để ly hôn với ông Thân Phúc T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 20/6/2022, ông Thân Phúc T trình bày:

Ông Thân Phúc T và bà Trần Thị L tự nguyên tìm hiểu, kết hôn vào tháng 3/2021 tại Ủy ban nhân dân phường P theo giấy chứng nhận kết hôn số 29. Sau khi kết hôn bà L sống cùng ông T tại Số a, đường NQ, tổ b, khu phố c, phường P, thành phố

M, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn hạnh phúc nhưng có một số tính cách và môi trường sinh hoạt của hai gia đình khác nhau dẫn đến việc bà L không hài lòng nên đã tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2021 cho đến nay. Quá trình chung sống ông bà chưa có con chung, không có tài sản chung, nợ chung. Hiện nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý và mong muốn hai gia đình được hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị L khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Thân Phúc T. Bị đơn có đăng ký thường trú tại số a, đường NQ, tổ b, khu phố c6, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị L và ông Thân Phúc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 29/3/2021 nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Bà Trần Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Thân Phúc T vì cho rằng trong quá trình chung sống cuộc sống giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, có nhiều xung đột, mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Bị đơn cho rằng hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về tính cách trong cuộc sống, thừa nhận có ít thời gian lo cho vợ vì bận công tác hoạt động cho giáo sứ và bà L đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận nhưng giữa các đương sự đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã ly thân với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự khai không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xử lý.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Đối với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với ông Thân Phúc T về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn đối với ông Thân Phúc T.

- Về con chung: Các đương sự khai không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xử lý

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000923 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo